

Số: 02/2022/QĐST-DS

Thạch Hà, ngày 15 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ vào các Điều 17, 95, 97 và Điều 98 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650 và Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 100, 167, 169 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi; Điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 24, khoản 7 Điều 26 và khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản H giải thành ngày 07 tháng 9 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 01/2022/TLST- DS ngày 15/3/2022, về việc tranh chấp “*Xác định tài sản riêng trong khối tài sản chung vợ chồng và yêu cầu phân chia di sản thừa kế*”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản H giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản H giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

**Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1933.

Địa chỉ: Thôn Trung H, xã TLH, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp phía nguyên đơn: Ông Phan Văn Chiếu - Luật sư Công ty luật TNHH Hà Châu.

**Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: Thôn Trung H, xã TLH, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp phía bị đơn: Ông Trần Đức Đạm – Luật sư Văn phòng luật sư Hà Đạm.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1959.

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường HHT, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1961.

Địa chỉ: Thôn Lộc N, xã Thạch X, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: Thôn Mỹ Y, xã Cẩm M, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh.

4. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Tổ dân phố 1 phường Tân G, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

5. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: Thôn Tân T, xã TLH, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

6. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: Thôn Tân T, xã TLH, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

7. Ông Nguyễn Văn Thuận, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: Thôn 3, xã Ea T, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk.

8. Ông Nguyễn Tất Thành, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Thôn Tân T, xã TLH, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

9. Bà PH Thị T, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Thôn Trung H, xã TLH, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. *(Bà T đã có đơn từ chối tham gia tố tụng)*

**Bà Nguyễn Thị N đã có đơn từ chối tham gia tố tụng và có văn bản chuyển giao phần di sản thừa kế mà mình được hưởng cho mẹ là bà Nguyễn Thị X.*

**Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn Thuận, ông Nguyễn Văn Thành đã có văn bản ủy quyền cho ông Nguyễn Văn V tham gia tố tụng (Theo văn bản ủy quyền lập các ngày 02/11/2021 và 12/11/2021)*

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về xác định tài sản riêng trong khối tài sản chung của vợ chồng:

Trong thời kỳ hôn nhân ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị X đã tạo dựng được các tài sản sau: Một thửa đất có diện tích 1352m² thuộc thửa đất số 611, tờ bản đồ số 4, bản đồ 371, địa chỉ tại Thôn Trung H, xã TLH, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 733/QSDD, do Ủy ban nhân dân huyện Thạch Hà cấp ngày 20/12/1996. Nhưng theo kết quả đo đạc thì diện tích đất thực tế sử dụng là 1663,5 m², tăng 311,5m². Trên đất có 01 căn nhà chính (nhà gỗ ba gian lợp ngói), 01 chuồng lợn, 03 cây tre và 02 bụi tre. Tổng giá trị các tài sản là 4.094.300.662 đồng.

Đối với khối tài sản chung của vợ chồng bà Nguyễn Thị X thống nhất chỉ lấy một phần đất mà hiện nay bà đang ở ký hiệu là S2 có diện tích 643,1m² và các tài sản trên đất gồm 01 căn nhà chính (nhà gỗ ba gian lợp ngói), 01 chuồng

lợn, 03 cây tro và 02 bụi tre, các tài sản nhà đất và cây cối trên đất tương đương với $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung vợ chồng. Vị trí thửa đất: Phía Tây giáp đường giao thông có chiều dài 18,41m; Phía Bắc giáp đường giao thông dài 21,54m; Phía Đông giáp với mương thoát nước và hộ ông Lê Giang Nam có chiều dài 28,87m; Phía Nam giáp với đất ông Nguyễn Văn Hòa có chiều dài 34,25m.

Giao cho bà Nguyễn Thị X được quyền quản lý, sử dụng đối với phần đất ký hiệu S2 có diện tích 643,1m² và các tài sản trên đất gồm 01 căn nhà chính (nhà gỗ ba gian lợp ngói), 01 chuồng lợn, 03 cây tro và 02 bụi tre.

Còn phần đất còn lại ký hiệu S1 có diện tích 708,9 m² hiện ông Nguyễn Văn Hòa đang quản lý, sử dụng là di sản của ông Nguyễn Văn T để lại.

2.2 Về di sản thừa kế: Bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn Hòa và ông Nguyễn Văn V thống nhất xác định di sản thừa kế mà ông Nguyễn Văn T để lại là thửa đất ký hiệu S1 có diện tích 708,9 m² chưa được chia thuộc thửa đất số 611, tờ bản đồ số 4, bản đồ 371, địa chỉ tại Thôn Trung H, xã TLH, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Thửa đất, có vị trí, tứ cận và giá trị như sau: Phía Tây giáp đường giao thông dài 26,08m; Phía Bắc giáp với đất bà Nguyễn Thị X dài 34,25m; Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn Hương dài 23,1m; Phía Nam giáp với đất Ủy ban nhân dân xã dài 24,30m.

Trên cơ sở khung giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh ban hành tại Quyết định số 61/2019/QĐ- UBND, ngày 19/12/2019; Các đương sự tự thỏa thuận về giá trị tài sản có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án định giá, cụ thể 1m² đất = 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Tổng trị giá diện tích đất các thừa kế được hưởng tính bằng tiền là: 708,9m² x 3.000.000đ/m² = 2.126.700.000đ (*Hai tỷ một trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm ngàn đồng*). Ông Nguyễn Văn T khi chết không để lại nghĩa vụ gì về tài sản

- Về diện và hàng thừa kế: Các đương sự thống nhất xác định vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị X có 09 người con chung. Nên hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn T gồm có bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1933; chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1959; chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1961; chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1963; chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1965; anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1965; anh Nguyễn Văn Hòa, sinh năm 1968; anh Nguyễn Văn Thuận, sinh năm 1968 và anh Nguyễn Tất Thành, sinh năm 1972.

- Các bên thỏa thuận phương án phân chia di sản thừa kế:

Đối với di sản thừa kế là thửa đất ký hiệu S1 có diện tích 708,9m² mà ông Nguyễn Văn T để lại các bên đương sự thỏa thuận thống nhất chia cho anh Nguyễn Văn Hòa được quyền quản lý, sử dụng. Trên phần đất mà anh Hòa được chia có các tài sản của gia đình anh Nguyễn Văn Hòa gồm 01 căn nhà xây 02 tầng kiên cố, 15 cây chuối, 03 cây nhãn, 01 cây xoài, 02 cây mít, 03 cây trâm (cây vôi).

- Diện tích, vị trí các thửa đất được phân chia cho các đương sự có sơ đồ

chia đất kèm theo quyết định.

- **Về phần diện tích đất tăng thêm:** Đối với phần đất có diện tích 311,5m² này được Ủy ban nhân dân xã TLH, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh xác nhận đã sử dụng ổn định không có tranh chấp nên các bên thỏa thuận tạm giao cho bà Nguyễn Thị X quản lý, sử dụng. Bà X có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được đăng ký theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Các đương sự tự thỏa thuận chịu chi phí thẩm định, định giá tài sản và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với tỷ phần giá trị tài sản mà mình được hưởng.

Đối với bà Nguyễn Thị X là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được xem xét miễn án phí theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi và điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Vì vậy miễn án phí chia tài sản cho bà Nguyễn Thị X.

Ông Nguyễn Văn Hòa phải chịu án phí chia tài sản cụ thể như sau: Ông Hòa được chia giá trị tài sản: $708,9m^2 \times 3.000.000\text{đồng} = 2.126.700.000\text{đ}$. Nên ông Hòa phải chịu án phí chia tài sản là: $\{72.000.000\text{ đồng} + 2\% \times 2.126.700.000\text{ đồng}\} = 74.534.000\text{ đồng} : 2 = 37.267.000\text{đ}$ (Ba mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Thạch Hà;
- Chi cục THADS huyện Thạch Hà;
- Các đương sự;
- Văn phòng Tòa án (Để công bố CTTĐT);
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Khắc Hn

